

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TỔNG HỢP XUÂN MAI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TỔNG HỢP XUÂN MAI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: XUAN MAI GENERAL
TRANSPORTATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: XUAN MAI GETRANS CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109518230

3. Ngày thành lập: 02/02/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 6, Khu Tân Xuân, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Điện thoại: 0978009895

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
2.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
3.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;	4659
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
6.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà ăn; (Trừ hoạt động sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
7.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
8.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
9.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
10.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
11.	Khai thác và thu gom than non	0520
12.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

13.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933(Chính)
14.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
15.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi	4931
16.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: hoạt động lưu giữ hàng hóa (không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
17.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động hàng không)	5229
20.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch Bất động sản (Trừ hoạt động tư vấn pháp luật về bất động sản)	6820
21.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
22.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
23.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
24.	Cho thuê xe có động cơ	7710
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
26.	Đại lý du lịch	7911

27.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
28.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
29.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
30.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
32.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
33.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	9000
34.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	9633
35.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4773
36.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
37.	Xây dựng nhà để ở	4101
38.	Xây dựng nhà không để ở	4102
39.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
40.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
41.	Xây dựng công trình điện	4221
42.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
43.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
44.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
45.	Xây dựng công trình thủy	4291
46.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
47.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
48.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
51.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
52.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
53.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

54.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc - Giám sát thi công xây dựng cơ bản - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: + Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; + Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; + Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Dịch vụ đấu thầu - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Dịch vụ lập quy hoạch xây dựng - Dịch vụ tư vấn quản lý dự án - Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Khảo sát xây dựng - Kiểm định xây dựng - Tư vấn thiết kế công trình điện và tư vấn giám sát thi công công trình điện (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7110
55.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
56.	Phá dỡ	4311
57.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
58.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng	4663

6. Vốn điều lệ: 1.200.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HIẾU

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 07/10/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001184006720

Ngày cấp: 27/11/2020

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố Tân Bình, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố Tân Bình, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội